

Số: 675/BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 18 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 5 năm 2024 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tháng qua thời tiết phổ biến ngày nắng, có ngày nắng nóng gay gắt, riêng các ngày từ 21-23/5/2024 có mưa lớn trên diện rộng làm ngập úng nhiều diện tích lúa mới gieo. Nhiệt độ TB 32-33°C, ẩm độ TB 75%.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Hè Thu 2024	Sớm	Đẻ nhánh - đứng cái	2.000	
	Chính vụ	Đẻ nhánh	19.000	
	Muộn	3 lá	1.500	
	Tổng		22.500	

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Phát triển thân lá, củ	11.000
- Cây công nghiệp:		
Hồ tiêu	Phát triển quả - thu hoạch	2.164,6
Cao su	Khai thác	18.572,8
Cà phê	Phát triển quả	3.706,9

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Từ ngày 21- 23/5 địa bàn tỉnh có mưa lớn trên diện rộng làm ngập úng hơn 2.400 ha lúa mới gieo trong đó có 444 ha lúa phải gieo cấy lại.

Cây trồng bị ảnh hưởng	Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục (ha)				
	Giảm NS 30-70%	Mất trắng (>70%)	Đã gieo cấy lại	Đã trồng cây khác	Đẻ đất trồng
Lúa			444		

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/5/2024-15/6/2024

1. Trên cây lúa: Các đối tượng sâu, bệnh gây hại chủ yếu trên lúa đầu vụ gồm: Chuột DTN 87 ha (tăng 82 ha so với tháng trước, tăng 41 ha so với cùng kỳ năm trước); ốc brou vàng DTN 536 ha (tăng 528 ha so với tháng trước, tăng 458 ha so với cùng kỳ năm trước), tuy nhiên những diện tích này đã được người dân xử lý thuốc và thu bắt ngay sau khi kết thúc đợt mưa từ 21-23/5/2024, OBV hiện chỉ gây hại nhẹ - trung bình trên diện tích 108 ha; rầy các loại DTN 12 ha (*chủ yếu ở Hải Lăng, tháng trước và cùng kỳ năm trước chưa có diện tích nhiễm rầy đến ngưỡng thống kê*). Ngoài ra, sâu cuốn lá nhỏ gây hại nhẹ trên lúa trà sớm (*Hải Lăng*), bệnh đạo ôn lá hại nhẹ cục bộ một số diện tích trên giống BDDR57 (*Hải Lăng*).

3. Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng DTN 198 ha (tương đương tháng trước, giảm 35 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 87 ha (giảm 48 ha so với tháng trước, giảm 70 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 137 ha (tương đương tháng trước, giảm 12 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 20 ha (tương đương tháng trước, tương đương cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 73 ha (giảm 8 ha so với tháng trước, giảm 24 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 26 ha (giảm 7 ha so với tháng trước, giảm 25 ha so với cùng kỳ năm trước).

4. Trên cây cà phê (Hướng Hóa): Rệp DTN 200 ha (tăng 20 ha so với tháng trước, giảm 65 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 465 ha (giảm 140 ha so với tháng trước, giảm 140 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 680 ha (giảm 105 ha so với tháng trước, giảm 75 ha so với cùng kỳ năm trước).

5. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ DTN 148 ha (tương đương tháng trước, tăng 29 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 269 ha (tương đương tháng trước, tăng 84 ha so với cùng kỳ năm trước).

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus lây lan gây hại nhiều nơi, DTN 1.080 ha (tăng 50 ha so với tháng trước, tăng 981 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 214 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30-40%, cục bộ có nơi 70-80%.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/6/2024-15/7/2024

1.1. Trên cây lúa: Chuột tiếp tục gây hại nhiều nơi; nhện gié, rầy các loại, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn có thể gây hại lúa giai đoạn đứng cái - làm đòng; bệnh khô vằn sẽ phát sinh gây hại sớm trên những ruộng gieo dày, bón thừa đạm; bệnh đạo ôn cổ bông có thể phát sinh gây hại trên những diện tích đã nhiễm đạo ôn lá (*một số diện tích ở Hải Lăng trên giống BDR57*). Ngoài ra, tuyến trùng, bọ trĩ gây hại một số diện tích lúa trà muộn, sâu đục thân có thể phát sinh hại cục bộ một số vùng.

1.2. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch.

1.3. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư, khô cành,... tiếp tục gây hại ảnh hưởng đến phát triển quả, hại nặng trên các vườn cà

phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

1.4. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại trên các vườn. Bệnh cháy nắng có thể phát sinh thời gian tới.

1.5. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục lây lan gây hại trên diện rộng; nhện đỏ, bọ phấn tiếp tục phát sinh gây hại nhiều nơi.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới

2.1. Trên cây lúa

- Duy trì diệt chuột và ốc brou vàng bằng nhiều biện pháp để hạn chế sự gây hại, ưu tiên các biện pháp thủ công để diệt trừ, tuyệt đối nghiêm cấm dùng xung điện để diệt chuột.

- Tăng cường kiểm tra nhện gié nhất là những vùng lúa đã trên 30 ngày tuổi (*tạo bẫy để kiểm tra, phát hiện sớm*); theo dõi chặt chẽ mật độ, diễn biến rầy các loại, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá, khô vằn, ... để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

2.2. Trên cây hồ tiêu: Thu hoạch diện tích tiêu chín và thực hiện các biện pháp chăm sóc, tưới nước giữ ẩm, phục hồi vườn tiêu sau thu hoạch.

Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

2.3. Trên cây cà phê: Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh đảm bảo dinh dưỡng cho cây thời kỳ nuôi quả.

2.4. Trên cây cao su: Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi.

2.5. Trên cây sắn:

- Định kỳ kiểm tra đồng ruộng, kịp thời phát hiện diện tích nhiễm bệnh mới, tập trung diệt trừ bọ phấn môi giới không để lây lan ra diện rộng; tăng cường bón phân và phun phân bón lá để tạo điều kiện cho cây phát triển; riêng địa bàn huyện Hướng Hóa tập trung tiêu hủy tất cả cây bị bệnh, không để lây lan ra các vùng trồng sắn khác trên địa bàn huyện.

- Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như: nhện đỏ, rệp sáp bột hồng, bệnh thối gốc, chổi rồng... để có biện pháp xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (3 lá – đẻ nhánh – đứng cái)													
1	Chuột	5-7	10			87	67	20	0	0	+82	+41	800	H. Lãng, Tr. Phong, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
2	Ốc brou vàng	4-6	15-30	50-60		536	369	122	45	0	+528	+458	1.800	H. Lãng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
3	Rầy các loại	500	800-1.000			12	12	0	0	0	+12	+12	9	H. Lãng
II	Cây Hồ tiêu (PT quả - thu hoạch)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	137	117	20	0	0	-5	-12	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	20	18	2	0	0	+2	-3	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	198	175	21	2	0	-5	-35	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	87	72	15	0	0	-48	-70	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đóm lá	5-10	15-20		3	73	60	13	0	0	-8	-24	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	26	20	6	0	0	-7	-25	10	Hương Hóa
III	Cây cà phê (Phát triển quả)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	680	445	190	45	0	-105	-75	40	Hương Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	465	270	185	10	0	-140	-140	50	
3	Rệp	10-25	50		1-2	200	115	75	10	0	+20	-65	0	
IV	Cây cao su (Khai thác)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2	269	206	53	10	0	-6	+84	130	Tr. Phong, C. Lộ,

2	Xì mũ	5-10	15		1-2	148	131	17	0	0	-3	+29	10	G.Linh, V. Linh
V	Cây sắn (Phát triển thân lá, củ)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70-80		1.080	456	410	214	0	+50	+981	0	H. Lãng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đakrông, H. Hóa